

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 22/2020/HNGĐ- ST
Ngày 14-07-2020
V/v: *Không công nhận quan hệ
vợ chồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Văn Minh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn; Nghề nghiệp: Cán bộ.
2. Ông Đỗ Duy Toàn; Nghề nghiệp: Cán bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Không tham gia

Hội 14 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020. về việc “ không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị H - Sinh năm: 1973; Nơi đăng ký HKTT: xã Kim T, huyện V, tỉnh H; Chỗ ở hiện nay: Ngõ 1, Tổ 7, phường Quang Trung, thành phố H, tỉnh H. (Chị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 10/6/2020).

Bị đơn: Anh Trần Bá T - Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Bản Chang, xã Kim T, huyện V, tỉnh H. (Anh T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 17/6/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/5/2020 và bản khai tiếp theo Lương Thị H trình bày: Chị và anh Trần Bá T xây dựng gia đình không được tìm hiểu và được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 1993, anh chị không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm. Đến năm 1995 vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Do anh T thường xuyên đi uống rượu, những lần anh T như vậy chị có khuyên bảo nhưng anh T không nghe mà còn gây sự chửi và đánh đập chị, sự mâu thuẫn của vợ chồng chị xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành hòa giải mà chị được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh T vẫn chứng nào tật đấy, cho nên cuộc sống của vợ chồng không cải thiện được. Hiện nay chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì tình cảnh như vậy gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt và sự ràng buộc lẫn nhau. Chị đề nghị xin được ly hôn anh Trần Bá T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Văn Th (sinh ngày 27/01/1994) và cháu Trần Văn Th (sinh ngày 29/7/1995). Hiện nay cháu Th và cháu Th đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị còn trình bày do điều kiện cá nhân chị không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Bị đơn Trần Bá T khai tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 17/6/2020 anh T trình bày: Anh với chị Lương Thị H xây dựng gia đình không được tìm hiểu và được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 1993, anh chị không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng mấy năm. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do trong cuộc sống mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, dẫn đến cuộc sống chung không hòa thuận, cho nên thường xuyên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, sự mâu thuẫn của vợ chồng tôi xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành hòa giải. Hiện nay anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến với nhau nữa. Nay chị H có đơn đề nghị xin được ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Văn Th (sinh ngày 27/01/1994) và cháu Trần Văn Th (sinh ngày 29/7/1995). Hiện nay cháu Th và cháu Th đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh còn trình bày do sức khỏe của anh yếu không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa các tài liệu trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lương Thị H về việc xin ly hôn với anh Trần Bá T được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Trần Bá T xây dựng gia đình có được tìm hiểu và được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 1993, anh, chị không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng mấy năm. Đến năm 1995 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, anh T thường xuyên uống rượu về lại gây sự chửi và đánh đập chị, sự mâu thuẫn của vợ chồng chị xảy ra đã được gia đình khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi được tính nết đó. Hiện nay chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì tình cảnh như vậy gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt và sự ràng buộc lẫn nhau. Chị đề nghị xin được ly hôn anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị H và anh Trần Bá T không tuân thủ theo quy định của pháp luật hôn nhân không đăng ký kết hôn mặc dù anh, chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 và khoản 1,2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận chị Lương Thị H và anh Trần Bá T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung:

Cháu Trần Văn Th (sinh ngày 27/01/1994) và cháu Trần Văn Th (sinh ngày 29/7/1995). Hiện nay cháu Th và cháu Th đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về Tài sản, công nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

[2.5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điểm a khoản 5 và Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố: Không công nhận chị Lương Thị H và anh Trần Bá T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Cháu Trần Văn Th (sinh ngày 27/01/1994) và cháu Trần Văn Th (sinh ngày 29/7/1995). Hiện nay cháu Th và cháu Th đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Lương Thị H và anh Trần Bá T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai số 02447 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: báo cho chị Lương Thị H và anh Trần Bá T biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cù Văn Minh

